

Số: **482** /TB-UBND

Thành phố Kon Tum, ngày **80** tháng **10** năm 2020

THÔNG BÁO

**Danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự vòng 2 (đối với thi tuyển
và xét tuyển) tuyển dụng công chức cấp xã năm 2020**

Căn cứ Quyết định số 1689/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 của Chủ tịch UBND thành phố về việc phê duyệt kết quả thi vòng 1 tuyển dụng công chức cấp xã năm 2020 và Quyết định số 1694/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch UBND thành phố về việc phê duyệt kết quả kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người đăng ký xét tuyển theo yêu cầu của vị trí chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng năm 2020.

Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum thông báo Danh sách 182 thí sinh đủ điều kiện tham dự vòng 2 (đối với thi tuyển và xét tuyển) tuyển dụng công chức cấp xã năm 2020 (có sanh sách kèm theo).

UBND thành phố Kon Tum thông báo để người đăng ký dự tuyển được biết và tham dự phỏng vấn./.

Nơi nhận:

- Hội đồng tuyển dụng CCCX 2020;
- TT VH TTDL & TT TT
(đăng lên Trang TTĐT);
- UBND 21 xã, phường (niêm yết công khai tại trụ sở);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Diệu

DANH SÁCH

**Thí sinh đủ điều kiện tham dự vòng 2 (đôi với thi tuyển và xét tuyển)
tuyển dụng công chức cấp xã năm 2020**

(Kèm theo Thông báo số 432/TB-UBND ngày 30/10/2020 của UBND thành phố)

SBD	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Quê quán	Chức danh	Ghi chú
01	Lê Thị Lan	Anh	10/4/1987	Bồ Đề - Bình Lục - Hà Nam	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
02	Nguyễn Thị Kim	Anh	08/7/1997	Mỹ Tài - Phù Mỹ - Bình Định	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
03	Phạm Nguyễn Tuấn	Anh	24/6/1987	Tây Sơn - Bình Định	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
04	Nguyễn Văn	Bình	16/8/1992	Mỹ Lương - Yên Lập - Phú Thọ	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
05	Lê Thị	Cúc	01/01/1987	Quảng Ngọc - Quảng Xương -	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
06	Đặng Giang Đình	Dân	23/01/1985	Mỹ Hòa - Phù Mỹ - Bình Định	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	
07	Bùi Trung	Dũng	15/5/1988	Giao An - Giao Thủy - Nam Định	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	
08	Rơ Chăm	Duy	12/6/1988	Mo Ray - Sa Thầy - Kon Tum	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
09	Trần Việt	Đang	02/9/1993	Cẩm Hòa - Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
10	Lê Thành	Đông	03/12/1987	Mỹ Trinh - Phù Mỹ - Bình Định	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
11	Trần Việt	Đức	01/4/1993	Kinh Môn - Hải Dương	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
12	Nguyễn Thị Hương	Hải	26/7/1983	Tân Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
13	Phạm Thị Mỹ	Hằng	03/12/1990	Phú Dương - Phú Vang - Thừa Thiên	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
14	Phan Quốc	Hiệp	17/3/1996	Kim Hoa - Hương Sơn - Hà Tĩnh	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	
15	Nguyễn Thị Hồng	Hiếu	19/5/1986	Mỹ Cát - Phù Mỹ - Bình Định	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
16	Đinh Thị	Hoa	13/11/1994	Hương Liên - Hương Khê - Hà	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
17	Phạm Thị	Hồng	15/8/1981	Yên Phong - Yên Định - Thanh Hóa	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	
18	Nguyễn Thành	Hùng	10/11/1988	Bình Giang - Tây Sơn - Bình Định	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
19	Trần Việt	Hùng	15/01/1993	Phước Hải - Tuy Phước - Bình Định	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
20	Trần Thái	Hưng	19/01/1989	Hưng Đạo - Hưng Nguyên - Nghệ An	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	
21	Nguyễn Văn	Ích	16/02/1985	Cát Hiệp - Phù Cát - Bình Định	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
22	Đỗ Thị	Lan	10/10/1983	Yên Phúc - Ý Yên - Nam Định	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	

SBD	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Quê quán	Chức danh	Ghi chú
23	Đỗ Thị Như	Loan	12/10/1997	Nghi Kiều - Nghi Lộc - Nghệ An	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
24	Lê Thị Thanh	Lợi	12/4/1996	Hòa Vang - Đà Nẵng	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
25	Đỗ Thị Thùy	Nhã	19/6/1985	Mỹ Thọ - Phù Mỹ - Bình Định	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	
26	Lê Thị Hà	Nhi	08/10/1994	Nghĩa Lâm - Tư Nghĩa - Quảng	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	
27	Phan Hữu	Phúc	20/8/1984	Nhơn Hậu - An Nhơn - Bình Định	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
28	Đỗ Thị Hồng	Phương	01/5/1988	Cát Trinh - Phù Cát - Bình Định	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	
29	Ngô Thị	Phương	03/11/1995	Bình Lục - Hà Nam	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
30	Ngô Nguyên	Sâm	15/5/1992	Bình Sa - Thăng Bình - Quảng Nam	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
31	Đặng Văn	Tâm	25/01/1983	Cát Hanh - Phù Cát - Bình Định	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
32	Nguyễn Thành	Thắng	02/10/1989	Nhơn Hạnh - An Nhơn - Bình Định	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	
33	Huỳnh Ngọc	Thành	10/9/1990	Tĩnh An - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
34	Trần Thị Thanh	Thảo	30/12/1989	Đức Phổ - Quảng Ngãi	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	
35	Trương Quang	Thức	24/12/1985	Tam Kỳ - Quảng Nam	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
36	Phạm Ngọc	Tín	19/5/1992	Yên Thắng - Tam Điệp - Ninh Bình	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
37	Trần Bá	Toàn	30/6/1984	Mỹ Thắng - Phù Mỹ - Bình Định	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	
38	A	Triệu	15/11/1990	Đăk Long - Đăk Glei - Kon Tum	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
39	Lê Hồ Kim	Trọng	22/12/1987	Duy Vinh - Duy Xuyên - Quảng	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
40	Lê Xuân	Trường	24/5/1988	Tây Sơn - Bình Định	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
41	Nguyễn Gia Minh	Tuệ	21/6/1988	Hải Ba - Hải Lăng - Quảng Trị	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
42	Trịnh Thị Kim	Tuyến	08/8/1997	Hoài An - Hoài Nhơn - Bình Định	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
43	Lê Thị Hồng	Vi	28/02/1984	Phước Nghĩa - Tuy Phước - Bình Định	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	
44	Trần Minh	Vương	20/11/1995	Hoài Châu - Hòa Nhơn - Bình Định	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi	
45	Đỗ Thị	An	01/6/1989	Lệ Thủy - Quảng Bình	Tài chính - Kế toán	
46	Chu Thị Phương	Dung	03/6/1991	Lương Bằng - Kim Động - Hưng Yên	Tài chính - Kế toán	
47	Đào Thị	Dung	20/5/1992	Xuân Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa	Tài chính - Kế toán	
48	Hoàng Thị Thanh	Giang	15/10/1987	Yên Thành - Ý Yên - Nam Định	Tài chính - Kế toán	

SBD	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Quê quán	Chức danh	Ghi chú
49	Lê Thị Quỳnh	Giang	06/12/1988	Hòa Thành - Tây Ninh	Tài chính - Kế toán	
50	Đoàn Thị Thu	Hằng	29/01/1990	Vũ Lễ - Kiến Xương - Thái Bình	Tài chính - Kế toán	
51	A	Hêng	05/10/1979	Xã Đăk Blà - Kon Tum - Kon Tum	Tài chính - Kế toán	
52	Giao Thị Hồng	Hiệp	09/9/1993	Nghĩa Hòa - Tư Nghĩa - Quảng	Tài chính - Kế toán	
53	Phạm Thị Thúy	Kiều	12/08/1997	Anh Sơn - Tĩnh Gia - Thanh Hóa	Tài chính - Kế toán	
54	Nguyễn Thị	Lài	11/10/1982	An Thủy - Lệ Thủy - Quảng	Tài chính - Kế toán	
55	Hoàng Thị	Lê	11/02/1993	Sơn Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh	Tài chính - Kế toán	
56	Lê Thị Hồng	Liên	17/9/1984	Quế Phú - Quế Sơn - Quảng Nam	Tài chính - Kế toán	
57	Hoàng Khiết	Linh	07/8/1991	Hải Phòng	Tài chính - Kế toán	
58	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	12/7/1996	Nhân Chính - Lý Nhân - Hà Nam	Tài chính - Kế toán	
59	Trương Thảo	Linh	05/12/1991	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	Tài chính - Kế toán	
60	Võ Thị	Lộc	10/9/1992	Nam Kim - Nam Đàn - Nghệ An	Tài chính - Kế toán	
61	Nguyễn Thị Thanh	Nam	02/3/1989	Cẩm Hà - Hội An - Quảng Nam	Tài chính - Kế toán	
62	Nguyễn Thị	Nga	10/10/1994	Nga Sơn - Thanh Hóa	Tài chính - Kế toán	
63	Nguyễn Thị Thu	Ngọc	11/10/1996	Nhơn Hậu - An Nhơn - Bình Định	Tài chính - Kế toán	
64	Trần Thị Kim	Ngọc	31/12/1993	Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	Tài chính - Kế toán	
65	Nguyễn Văn	Phong	18/3/1989	Mỹ Tài - Phù Mỹ - Bình Định	Tài chính - Kế toán	
66	Dương Thị Kim	Phượng	23/6/1992	Bình Triều - Thăng Bình - Quảng Nam	Tài chính - Kế toán	
67	Lê Thị	Sang	10/4/1985	Cẩm An - Hội An - Quảng Nam	Tài chính - Kế toán	
68	Ngô Thị	Thảo	11/10/1990	Phan Sào Nam - Phù Cừ - Hưng	Tài chính - Kế toán	
69	Vương Thị	Thọ	23/3/1990	Tịnh Hà - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	Tài chính - Kế toán	
70	Lê Thị	Thơm	05/6/1988	Nghi Kiều - Nghi Lộc - Nghệ An	Tài chính - Kế toán	
71	Nguyễn Thị Bích	Thương	09/1/1993	Việt Chu - Hạ Lang - Cao Bằng	Tài chính - Kế toán	
72	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	15/5/1975	Đức Tân - Đức Thọ - Hà Tĩnh	Tài chính - Kế toán	
73	Trần Thị Thu	Thúy	15/5/1992	Tịnh Kỳ - Quảng Ngãi - Quảng Ngãi	Tài chính - Kế toán	
74	Hoàng Thị	Thùy	24/4/1985	Quý Lộc - Yên Định - Thanh Hóa	Tài chính - Kế toán	

SBD	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Quê quán	Chức danh	Ghi chú
75	Lâm Thị Hà	Thùy	16/11/1984	Nhơn Hậu - An Nhơn - Bình Định	Tài chính - Kế toán	
76	Nguyễn Minh	Tiên	16/10/1993	Phước An - Tuy Phước - Bình Định	Tài chính - Kế toán	
77	Đặng Thị Mai	Trang	15/02/1992	Phù Mỹ - Bình Định	Tài chính - Kế toán	
78	Huỳnh Thị Thu	Trang	18/3/1985	Bình Sa - Thăng Bình - Quảng Nam	Tài chính - Kế toán	
79	Thái Thị Quỳnh	Trang	16/4/1990	Quế An - Quế Sơn Quảng Nam	Tài chính - Kế toán	
80	Đỗ Thị Tuyết	Trinh	24/4/1994	Bình Phước - Bình Sơn - Quảng Ngãi	Tài chính - Kế toán	
81	Nguyễn Khánh	Trung	11/12/1993	Phú Mậu - Phú Vang - Thừa Thiên	Tài chính - Kế toán	
82	Đặng Thị	Tuyết	23/7/1985	Duy Xuyên - Quảng Nam	Tài chính - Kế toán	
83	Trần Thị Ánh	Tuyết	25/3/1990	Bình Thành - Tây Sơn - Bình Định	Tài chính - Kế toán	
84	Hà Thị	Vân	06/6/1982	Cầm Thịnh - Cầm Xuyên - Hà Tĩnh	Tài chính - Kế toán	
85	Phạm Thị Thùy	Vân	11/9/1989	Phù Mỹ - Bình Định	Tài chính - Kế toán	
86	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	11/3/1987	Nghĩa Hà - Tư Nghĩa - Quảng	Tài chính - Kế toán	
87	Nguyễn Thị	Vượng	26/01/1989	Gia Sinh - Gia Viễn - Ninh Bình	Tài chính - Kế toán	
88	Đỗ Thị	Yến	15/9/1994	Quảng Văn - Quảng Xương -	Tài chính - Kế toán	
89	Y	Bông	07/6/1987	Ngok Bay - Kon Tum - Kon Tum	Tư pháp - hộ tịch	
90	Hồ Việt	Cường	12/6/1990	Cát Tài - Phù Cát - Bình Định	Tư pháp - hộ tịch	
91	Nguyễn Đình	Dũng	11/12/1998	Trù Sơn - Đô Lương - Nghệ An	Tư pháp - hộ tịch	
92	Y	Đại	05/2/1995	Đăk Pek - Đăk Glei - Kon Tum	Tư pháp - hộ tịch	
93	Lê Tiến	Đạt	23/4/1997	Thanh Sơn - Tĩnh Gia - Thanh Hóa	Tư pháp - hộ tịch	
94	Võ Thị Thúy	Hằng	10/01/1996	Nghĩa Lâm - Tư Nghĩa - Quảng	Tư pháp - hộ tịch	
95	Ngô Đức	Hạnh	02/11/1984	Hải Sơn - Hải Lăng - Quảng Trị	Tư pháp - hộ tịch	
96	Nguyễn Thị	Hạnh	28/7/1985	Diễn Hoa - Diễn Châu - Nghệ An	Tư pháp - hộ tịch	
97	Trần Thị	Hoa	07/5/1981	Quảng Đông - Quảng Xương -	Tư pháp - hộ tịch	
98	Nguyễn Thị Thúy	Hoàng	10/3/1995	Mỹ Thọ - Phù Mỹ - Bình Định	Tư pháp - hộ tịch	
99	Lê Thị	Hồng	07/5/1990	Xuân Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa	Tư pháp - hộ tịch	
100	Phạm Thị	Hồng	13/02/1995	Xuân Lâm - Tĩnh Gia - Thanh Hóa	Tư pháp - hộ tịch	

SBD	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Quê quán	Chức danh	Ghi chú
101	Đinh Lý	Hương	14/7/1995	Đắk Nền - Kon Plông - Kon Tum	Tư pháp - hộ tịch	
102	Nông Thị	Huyền	02/10/1998	Hoàng Hải - Quảng Uyên - Cao Bằng	Tư pháp - hộ tịch	
103	Nguyễn Thị	Linh	18/1/1996	Ninh Giang - Hải Dương	Tư pháp - hộ tịch	
104	Lê Thị	Nguyệt	26/4/1984	Hoằng Phú - Hoằng Hóa - Thanh Hóa	Tư pháp - hộ tịch	
105	Hồ Thị Tuyết	Nhung	05/10/1988	Phú Mỹ - Phú Vang - Thừa Thiên Huế	Tư pháp - hộ tịch	
106	Hoàng Thị Hồng	Nhung	20/3/1996	Chính Lý - Lý Nhân - Hà Nam	Tư pháp - hộ tịch	
107	Y	Nững	19/7/1997	Đak Năng - Kon Tum - Kon Tum	Tư pháp - hộ tịch	
108	Dương Thị Kim	Oanh	20/3/1997	Quế Minh - Quế Sơn - Quảng Nam	Tư pháp - hộ tịch	
109	Trịnh Thị Thanh	Phương	16/7/1990	Phú Phong - Tây Sơn - Bình Định	Tư pháp - hộ tịch	
110	Đinh Thị Thanh	Phượng	13/3/1990	Hà Phong - Hòn Gai - Quảng Ninh	Tư pháp - hộ tịch	
111	Bùi Thị Thanh	Thảo	01/7/1989	Tiên An - Tiên Phước - Quảng Nam	Tư pháp - hộ tịch	
112	Nguyễn Văn	Thiệu	26/01/1996	Đức Chánh - Mộ Đức - Quảng Ngãi	Tư pháp - hộ tịch	
113	Y	Thinh	24/02/1989	Đak Năng - Kon Tum - Kon Tum	Tư pháp - hộ tịch	
114	Y	Thoang	15/7/1994	Xã Ia Chim - Kon Tum - Kon Tum	Tư pháp - hộ tịch	
115	A	Thông	03/4/1994	Đắk Tô - Đắk Tô - Kon Tum	Tư pháp - hộ tịch	
116	Phạm Thị	Thuận	11/01/1998	Tịnh Phong - Tịnh Sơn - Quảng Ngãi	Tư pháp - hộ tịch	
117	Trần Thị Thu	Thùy	31/10/1997	Hoài Ân - Bình Định	Tư pháp - hộ tịch	
118	Trần Thị Cẩm	Tú	27/10/1995	Hải An - Tĩnh Gia - Thanh Hóa	Tư pháp - hộ tịch	
119	Nguyễn Hoài	Ước	02/10/1987	Kỳ Phong - Kỳ Anh - Hà Tĩnh	Tư pháp - hộ tịch	
120	Trần Thị Yến	Vi	15/02/1994	Phước Hiệp - Tuy Phước - Bình Định	Tư pháp - hộ tịch	
121	Hoàng Thị	Hà	21/4/1992	Đa Thông - Thông Nông - Cao Bằng	Văn hóa - Xã hội	
122	Hồ Thị Thu	Hằng	07/01/1987	Quỳnh Thuận - Quỳnh Lưu - Nghệ An	Văn hóa - Xã hội	
123	Lê Thị	Hạnh	20/4/1995	Thọ Bình - Triệu Sơn - Thanh Hóa	Văn hóa - Xã hội	
124	Trần Thị Thanh	Hương	01/7/1997	Nghĩa Phương - Tư Nghĩa - Quảng Ngãi	Văn hóa - Xã hội	
125	A	Ngừa	02/5/1986	Đă Blô - Đắk Glei - Kon Tum	Văn hóa - Xã hội	
126	Vũ Thị Kiều	Oanh	14/12/1993	Lạc Long - Lạc Thủy - Hòa Bình	Văn hóa - Xã hội	

SBD	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Quê quán	Chức danh	Ghi chú
127	Nguyễn Văn	Phi	30/4/1986	Phước Nghĩa - Tuy Phước - Bình Định	Văn hóa - Xã hội	
128	Lê Thị	Quyên	15/10/1986	Quảng Nhân - Quảng Xương -	Văn hóa - Xã hội	
129	Hoàng Thị Trúc	Quỳnh	19/5/1992	Yên Thịnh - Yên Định - Thanh Hóa	Văn hóa - Xã hội	
130	Tổng Đức	Thiện	03/02/1985	Sơn Phúc - Hương Sơn - Hà Tĩnh	Văn hóa - Xã hội	
131	Y	Thư	08/9/1993	Đắk Glei - Kon Tum	Văn hóa - Xã hội	
132	A Dăm	Trai	31/3/1985	Xã Đắk Blà - Kon Tum - Kon Tum	Văn hóa - Xã hội	
133	Y	Trâm	29/9/1986	Tân Lập - Kon Rẫy - Kon Tum	Văn hóa - Xã hội	
134	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	06/10/1988	Tĩnh Hiệp - Sơn Tĩnh - Quảng Ngãi	Văn hóa - Xã hội	
135	Đỗ Thị Tú	Uyên	21/6/1982	Liên Vị - Yên Hưng - Quảng	Văn hóa - Xã hội	
136	Phạm Y Kim	Anh	17/10/1996	Tu Mơ Rông - Tu Mơ Rông - Kon	Văn phòng - Thống kê	
137	Nguyễn Huệ	Chi	22/7/1997	Ngọc Sơn - Thanh Chương - Nghệ An	Văn phòng - Thống kê	
138	Phan Bá	Dần	10/4/1988	Hùng Sơn - Anh Sơn - Nghệ An	Văn phòng - Thống kê	
139	Nguyễn Thị	Dung	02/6/1997	Quy Nhơn - Bình Định	Văn phòng - Thống kê	
140	Phạm Tiến	Dũng	19/10/1981	Vụ Bản - Nam Định	Văn phòng - Thống kê	
141	Phạm Thị Thùy	Dương	16/6/1987	Phường Thắng Lợi - Kon Tum - Kon	Văn phòng - Thống kê	
142	Đặng Ngọc	Đức	12/10/1992	Tam Xuân - Núi Thành - Quảng	Văn phòng - Thống kê	
143	Nguyễn Thị Phương	Giang	02/12/1994	Hoài Mỹ - Hoài Nhơn - Bình Định	Văn phòng - Thống kê	
144	Trịnh Văn	Hà	07/11/1993	Ân Tường - Hoài Ân - Bình Định	Văn phòng - Thống kê	
145	Trương Thị	Hạnh	24/5/1996	Hội An - Quảng Nam	Văn phòng - Thống kê	
146	Nguyễn Thị	Hòa	15/5/1995	Trung Giã - Sóc Sơn - Hà Nội	Văn phòng - Thống kê	
147	Nguyễn Thị Bích	Hòa	02/3/1983	Phước Hiệp - Tuy Phước - Bình Định	Văn phòng - Thống kê	
148	A	Hồn	23/11/1998	Xã Ngok Bay - Kon Tum - Kon	Văn phòng - Thống kê	
149	Trịnh Thị	Hồng	22/10/1992	Vĩnh Hùng - Vĩnh Lộc - Thanh Hóa	Văn phòng - Thống kê	
150	Đặng Thị	Hung	15/01/1985	Cầm Bình - Cầm Xuyên - Hà Tĩnh	Văn phòng - Thống kê	
151	Nguyễn Ngọc Thu	Hương	25/02/1988	Cô Mươi - Trà Lĩnh - Cao Bằng	Văn phòng - Thống kê	
152	Trần Thị Bạch	Lan	23/10/1985	Hoài Tân - Hoài Nhơn - Bình Định	Văn phòng - Thống kê	

SBD	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Quê quán	Chức danh	Ghi chú
153	Lê Trương Hoài	Linh	24/5/1996	Thăng Bình - Quảng Nam	Văn phòng - Thống kê	
154	Phan Thị Kim	Linh	24/9/1989	Mỹ Hiệp - Phù Mỹ - Bình Định	Văn phòng - Thống kê	
155	Đường Tổ	Loan	13/10/1989	Đức Vĩnh - Đức Thọ - Hà Tĩnh	Văn phòng - Thống kê	
156	Đặng Hữu Tài	Lộc	05/4/1997	Phù Mỹ - Bình Định	Văn phòng - Thống kê	
157	Trần Vĩnh	Lộc	19/01/1992	Nhơn Hòa - An Nhơn - Bình Định	Văn phòng - Thống kê	
158	Phan Thị Xuân	Mỹ	01/02/1991	Đức Thạch - Mộ Đức - Quảng Ngãi	Văn phòng - Thống kê	
159	Cao Thành	Nam	05/8/1984	Đồng Hóa - Tuyên Hóa - Quảng Bình	Văn phòng - Thống kê	
160	Đỗ Thị	Nga	10/11/1992	Yên Trị - Ý Yên - Nam Định	Văn phòng - Thống kê	
161	Huỳnh Thị Kim	Ngọc	20/10/1989	Quyết Thắng - Kon Tum - Kon	Văn phòng - Thống kê	
162	Nguyễn Thị Phương	Ngọc	01/10/1989	An Nội - Bình Lục - Hà Nam	Văn phòng - Thống kê	
163	Y	Ngưp	25/5/1989	Chư Hreng - Kon Tum - Kon Tum	Văn phòng - Thống kê	
164	Đinh Thị Thảo	Nguyên	12/5/1996	Ngok Tem - Kon Plông - Kon Tum	Văn phòng - Thống kê	
165	Hà Thị	Nguyệt	13/9/1988	Xuất Lễ - Cao Lộc - Lạng Sơn	Văn phòng - Thống kê	
166	Y	Nguyệt	16/12/1994	Ngọc Yêu - Tu Mơ Rông - Kon Tum	Văn phòng - Thống kê	
167	Y	Phương	25/4/1996	Đăk Nông - Đăk Dục - Ngọc Hồi	Văn phòng - Thống kê	
168	Y	Pun	02/10/1987	Ia Chim - Kon Tum - Kon Tum	Văn phòng - Thống kê	
169	Nguyễn Trọng	Quang	15/10/1982	Khuyến Nông - Triệu Sơn - Thanh	Văn phòng - Thống kê	
170	A	Qur	05/4/1997	Ngok Bay - Kon Tum - Kon Tum	Văn phòng - Thống kê	
171	Mai Thu	Ri A	10/12/1989	Ba Lòng - Đăk Rông - Quảng Trị	Văn phòng - Thống kê	
172	Trịnh Thị	Tâm	07/9/1986	Yên Ninh - Yên Định - Thanh Hóa	Văn phòng - Thống kê	
173	Dương Thị Phương	Thảo	29/10/1994	Xuân Thành - Nghi Xuân - Hà	Văn phòng - Thống kê	
174	Nguyễn Thị	Thiện	16/7/1993	Tịnh Thọ - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	Văn phòng - Thống kê	
175	Mai Thị Phương	Thùy	27/8/1985	Phước Thắng - Tuy Phước - Bình	Văn phòng - Thống kê	
176	Võ Thị	Thuyên	20/3/1987	Hải Dương - Hải Lăng - Quảng Trị	Văn phòng - Thống kê	
177	Phan Thị Quỳnh	Trâm	26/4/1987	Nhơn An - An Nhơn - Bình Định	Văn phòng - Thống kê	
178	Phạm Thị Cẩm	Tú	20/5/1984	Mỹ Chánh - Phù Mỹ - Bình Định	Văn phòng - Thống kê	



SBD	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Quê quán	Chức danh	Ghi chú
179	Trương Mai Thanh	Tú	10/12/1968	Thủy Vân - Hương Thủy - Thừa Thiên	Văn phòng - Thống kê	
180	Y	Tuyên	23/9/1993	Kon Đào - Đăk Tô Kon Tum	Văn phòng - Thống kê	
181	Lục Thị	Tuyết	18/8/1986	Như Xuân - Thanh Hóa	Văn phòng - Thống kê	
182	Y Cô	Viên	25/9/1989	Hòa Bình - Kon Tum - Kon Tum	Văn phòng - Thống kê	

